

Bộ chỉ số HOSE-Index

Ngày cập nhật: 29/07/2022

HOSE-Index là bộ chỉ số vốn hóa có thể đầu tư được bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên Sở GDCK TP.HCM (HOSE) đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản. HOSE-Index chiếm hơn 90% giá trị giao dịch và hơn 80% giá trị vốn hóa của toàn thị trường chứng khoán niêm yết tại HOSE.

Cấu trúc Bộ chỉ số HOSE-Index

VNAllshare là chỉ số vốn hóa bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên HOSE đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản.

VN30 là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của 30 công ty hàng đầu về vốn hóa thị trường và thanh khoản trong VNAllshare.

VNMidcap là chỉ số vốn hóa đo lường mức tăng trưởng của 70 công ty có quy mô vừa trong VNAllshare.

VN100 là chỉ số vốn hóa kết hợp các cổ phiếu thành phần của VN30 và VNMidcap.

VNSmallcap là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của các công ty có quy mô nhỏ trong VNAllshare.

VNAllshare Sector Indices bao gồm các chỉ số ngành với các cổ phiếu thành phần của chỉ số VNAllShare được phân ngành theo chuẩn phân ngành Global Industry Classification Standard (GICS®).

Đặc điểm chung

Mục tiêu

Bộ chỉ số được thiết kế với mục đích tham chiếu cho thị trường và làm cơ sở xây dựng các sản phẩm dựa trên chỉ số như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ...

Khả năng đầu tư

Bộ chỉ số được sàng lọc và tính toán dựa trên tỷ lệ tự do chuyển nhượng để đảm bảo khả năng đầu tư được.

Thanh khoản

Các cổ phiếu thành phần được sàng lọc về thanh khoản để đảm bảo chỉ số có thể giao dịch được.

Minh bạch

Bộ chỉ số sử dụng các quy tắc xây dựng và quản lý minh bạch. Quy tắc xây dựng và quản lý Bộ chỉ số HOSE-Index được công bố trên trang chủ của HOSE.

Tần suất tính toán

Bộ chỉ số được tính theo thời gian thực hoặc tại cuối ngày giao dịch.

Xem xét định kỳ

Bán niên vào tháng 1 và tháng 7 hàng năm

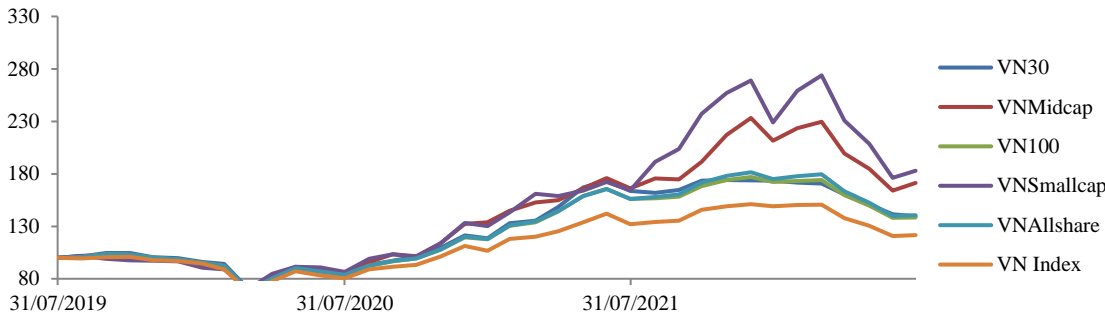
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa

10% (VNAllshare Sector không áp dụng)

Phương pháp tính chỉ số

Giá trị vốn hóa điều chỉnh free-float.

Tăng trưởng chỉ số từ 31/07/2019 đến 29/07/2022



* Các chỉ số trên được giả lập tái cơ sở thành 100 vào thời điểm 31/07/2019

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2019	2020	2021	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VNAllShare	3.40%	21.25%	48.39%	0.47%	-14.03%	-19.73%	-10.10%	40.44%	58.03%	11.99%	9.58%
VN30	2.73%	20.73%	40.65%	-1.35%	-13.07%	-19.59%	-14.87%	39.49%	62.91%	11.73%	10.25%
VNMidcap	1.82%	35.92%	72.43%	4.46%	-14.10%	-19.02%	3.19%	71.34%	54.20%	19.66%	9.05%
VN100	3.43%	20.69%	45.14%	0.19%	-13.39%	-19.72%	-11.43%	38.37%	58.19%	11.43%	9.61%
VNSmallcap	1.72%	37.64%	97.79%	3.81%	-20.79%	-20.18%	11.36%	82.88%	59.28%	22.29%	9.76%
VN-Index	7.76%	14.19%	33.72%	0.73%	-11.74%	-18.43%	-7.92%	21.65%	53.96%	6.75%	9.01%

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllShare	14.92%	17.76%	21.24%	37.64%	44.62%
VN30	14.23%	17.01%	20.52%	38.33%	46.43%
VNMidcap	17.49%	21.03%	26.62%	46.29%	51.87%
VN100	14.78%	17.60%	21.14%	39.56%	46.65%
VNSmallcap	17.89%	22.38%	28.20%	39.35%	42.41%
VN-Index	13.86%	16.48%	19.84%	36.10%	44.14%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllShare	99.14%	99.05%	98.87%	98.17%	97.68%
VN30	98.07%	97.00%	95.48%	96.95%	96.86%
VNMidcap	95.41%	94.92%	91.58%	75.19%	75.78%
VN100	99.15%	98.92%	98.58%	93.29%	94.28%
VNSmallcap	91.04%	87.85%	80.80%	80.82%	76.86%

Đặc điểm chỉ số

	VNAllshare	VN30	VNMidcap	VN100	VNSmallcap
Số lượng cổ phiếu thành phần	319	30	70	100	219
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	4,465,755	3,305,782	866,901	4,172,683	293,072
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	1,818,938	1,192,504	481,979	1,674,483	144,455
Trung bình	5,702	39,750	6,885	16,745	660
Cao nhất	89,310	89,310	47,319	89,310	4,692
Thấp nhất	19	3,824	488	488	19
Trung vị	729	33,859	3,917	5,539	379
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	4.91%	7.49%	9.82%	5.33%	3.25%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	40.71%	62.10%	48.22%	44.22%	24.38%

Lưu ý:

"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chi khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hscx.vn
 Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Số 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3821.7713 - Fax: (84.8) 3821.7452

Website: www.hscx.vn



VNAllshare là chỉ số vốn hóa bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên HOSE đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản.

Đặc điểm chỉ số

	319
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	4,465,755
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	1,818,938
Trung bình	5,702
Cao nhất	89,310
Thấp nhất	19
Trung vị	729
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	4.91%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	40.71%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014

Giá trị cơ sở: 560.19

Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập

Tần suất tính:

- VNAllshare: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)

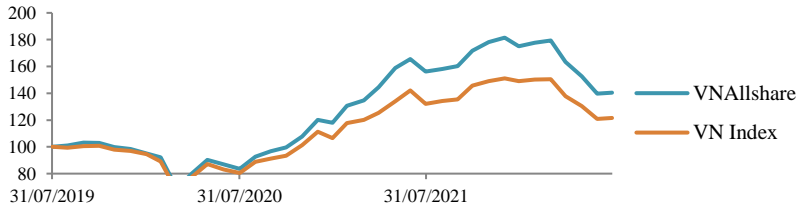
- VNAllshareTRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)

Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%

Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.

Đơn vị tiền tệ: VND

Tăng trưởng chỉ số từ 31/07/2019 đến 29/07/2022



* Các chỉ số trên được giả lập tái cơ sở thành 100 vào thời điểm 31/07/2019

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllshare	14.92%	17.76%	21.24%	37.64%	44.62%

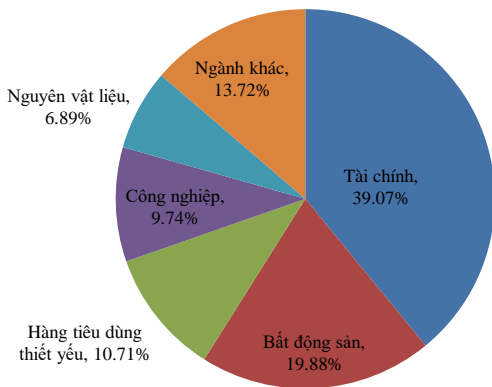
Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllshare	99.14%	99.05%	98.87%	98.17%	97.68%

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)						Tăng trưởng bình quân năm (%)				
	2019	2020	2021	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm		
VNAllshare	3.40%	21.25%	48.39%	0.47%	-14.03%	-19.73%	-10.10%	40.44%	58.03%	11.99%	9.58%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	VPB	Tài chính	89,310	4.91%
2	TCB	Tài chính	86,491	4.76%
3	VIC	Bất động sản	85,432	4.70%
4	VHM	Bất động sản	78,248	4.30%
5	FPT	Công nghệ thông tin	77,862	4.28%
6	ACB	Tài chính	70,622	3.88%
7	HPG	Nguyên vật liệu	68,760	3.78%
8	MWG	Hàng tiêu dùng	62,515	3.44%
9	VNM	Hàng tiêu dùng thiết yếu	60,860	3.35%
10	MSN	Hàng tiêu dùng thiết yếu	60,423	3.32%
	Tổng cộng		740,523	40.71%

Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	35	710,636	39.07%
Bất động sản	42	361,565	19.88%
Hàng tiêu dùng thiết yếu	29	194,795	10.71%
Công nghiệp	85	177,098	9.74%
Nguyên vật liệu	54	125,351	6.89%

Lưu ý:

"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn

Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.



VN30 là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của 30 công ty hàng đầu về vốn hóa thị trường và thanh khoản trong VNIAllshare.

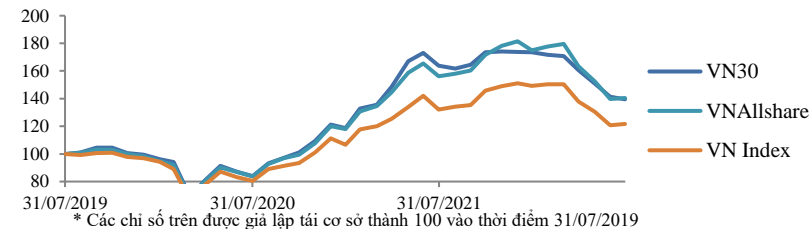
Đặc điểm chỉ số

	30
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	3,305,782
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	1,192,504
Trung bình	39,750
Cao nhất	89,310
Thấp nhất	3,824
Trung vị	33,859
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	7.49%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	62.10%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 02/01/2009
 Giá trị cơ sở: 313.34
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
 - VN30: Theo thời gian thực (5 giây/lần)
 - VN30TRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Tăng trưởng chỉ số từ 31/07/2019 đến 29/07/2022



Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN30	14.23%	17.01%	20.52%	38.33%	46.43%

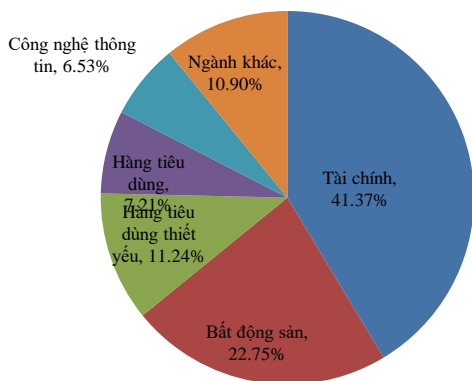
Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN30	98.07%	97.00%	95.48%	96.95%	96.86%

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)						Tăng trưởng bình quân năm (%)				
	2019	2020	2021	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm		
VN30	2.73%	20.73%	40.65%	-1.35%	-13.07%	-19.59%	-14.87%	39.49%	62.91%	11.73%	10.25%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	VPB	Tài chính	89,310	7.49%
2	TCB	Tài chính	86,491	7.25%
3	VIC	Bất động sản	85,432	7.16%
4	VHM	Bất động sản	78,248	6.56%
5	FPT	Công nghệ thông tin	77,862	6.53%
6	ACB	Tài chính	70,622	5.92%
7	HPG	Nguyên vật liệu	68,760	5.77%
8	MWG	Hàng tiêu dùng	62,515	5.24%
9	VNM	Hàng tiêu dùng thiết yếu	60,860	5.10%
10	MSN	Hàng tiêu dùng thiết yếu	60,423	5.07%
	Tổng cộng		740,523	62.10%

Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	12	493,370	41.37%
Bất động sản	6	271,342	22.75%
Hàng tiêu dùng thiết yếu	3	133,980	11.24%
Hàng tiêu dùng	2	86,000	7.21%
Công nghệ thông tin	1	77,862	6.53%

Lưu ý:

"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNIAllshare" và "VNIAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
 Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

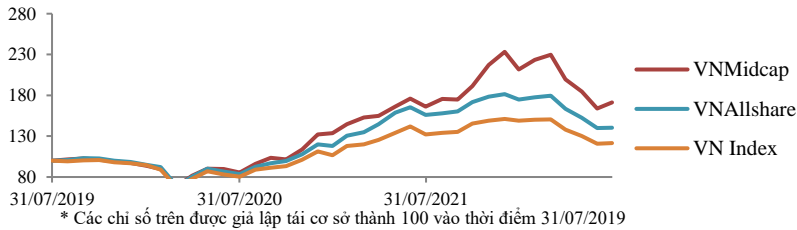


VNMidcap là chỉ số vốn hóa đo lường mức tăng trưởng của 70 công ty có quy mô vừa trong VNAllshare.

Đặc điểm chỉ số

	70
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	866.901
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	481.979
Trung bình	6.885
Cao nhất	47.319
Thấp nhất	488
Trung vị	3.917
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	9.82%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	48.22%

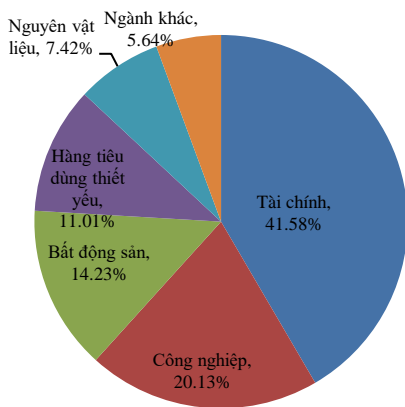
Tăng trưởng chỉ số từ 31/07/2019 đến 29/07/2022



Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)						Tăng trưởng bình quân năm (%)				
	2019	2020	2021	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm		
VNMidcap	1.82%	35.92%	72.43%	4.46%	-14.10%	-19.02%	3.19%	71.34%	54.20%	19.66%	9.05%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	11	200,408	41.58%
Công nghiệp	18	97,009	20.13%
Bất động sản	12	68,563	14.23%
Hàng tiêu dùng thiết yếu	8	53,053	11.01%
Nguyên vật liệu	10	35,781	7.42%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
 Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
 - VNMidcap: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
 - VNMidcapTRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNMidcap	17.49%	21.03%	26.62%	46.29%	51.87%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNMidcap	95.41%	94.92%	91.58%	75.19%	75.78%

10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	SSB	Tài chính	47,319	9.82%
2	VIB	Tài chính	30,835	6.40%
3	EIB	Tài chính	29,506	6.12%
4	MSB	Tài chính	24,150	5.01%
5	DGC	Hàng tiêu dùng thiết yếu	19,891	4.13%
6	LPB	Tài chính	19,426	4.03%
7	VND	Tài chính	17,446	3.62%
8	KBC	Bất động sản	17,363	3.60%
9	OCB	Tài chính	13,675	2.84%
10	GMD	Công nghiệp	12,809	2.66%
	Tổng cộng		232,420	48.22%

Lưu ý:

"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
 Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

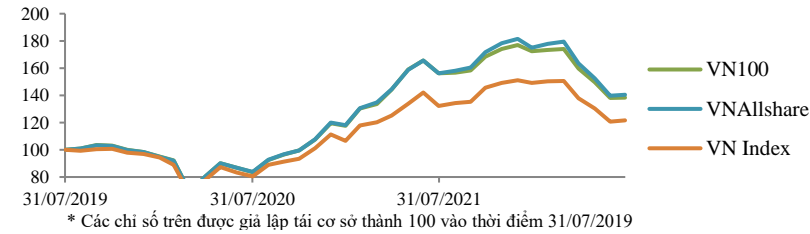


VN100 là chỉ số vốn hóa kết hợp các cổ phiếu thành phần của VN30 và VNMidcap.

Đặc điểm chỉ số

	100
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	4,172,683
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	1,674,483
Trung bình	16,745
Cao nhất	89,310
Thấp nhất	488
Trung vị	5,539
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	5.33%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	44.22%

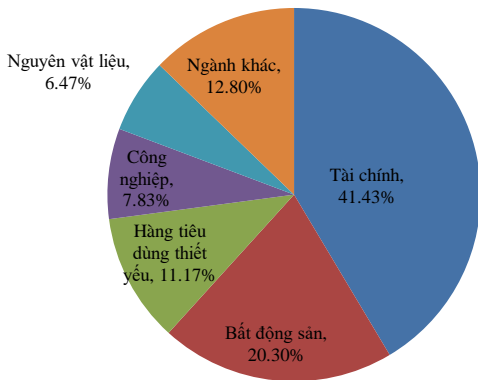
Tăng trưởng chỉ số từ 31/07/2019 đến 29/07/2022



Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)						Tăng trưởng bình quân năm (%)				
	2019	2020	2021	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm		
VN100	3.43%	20.69%	45.14%	0.19%	-13.39%	-19.72%	-11.43%	38.37%	58.19%	11.43%	9.61%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	23	693,778	41.43%
Bất động sản	18	339,905	20.30%
Hàng tiêu dùng thiết yếu	11	187,033	11.17%
Công nghiệp	19	131,049	7.83%
Nguyên vật liệu	12	108,365	6.47%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014

Giá trị cơ sở: 560.19

Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập

Tần suất tính:

- **VN100:** Theo thời gian thực (5giây/lần)

- **VN100TRI:** Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)

Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%

Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.

Đơn vị tiền tệ: VND

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN100	14.78%	17.60%	21.14%	39.56%	46.65%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN100	99.15%	98.92%	98.58%	93.29%	94.28%

10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	VPB	Tài chính	89,310	5.33%
2	TCB	Tài chính	86,491	5.17%
3	VIC	Bất động sản	85,432	5.10%
4	VHM	Bất động sản	78,248	4.67%
5	FPT	Công nghệ thông tin	77,862	4.65%
6	ACB	Tài chính	70,622	4.22%
7	HPG	Nguyên vật liệu	68,760	4.11%
8	MWG	Hàng tiêu dùng	62,515	3.73%
9	VNM	Hàng tiêu dùng thiết yếu	60,860	3.63%
10	MSN	Hàng tiêu dùng thiết yếu	60,423	3.61%
	Tổng cộng		740,523	44.22%

Lưu ý:

"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn

Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.



VNSmallcap là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của các công ty có quy mô nhỏ trong VNAllshare.

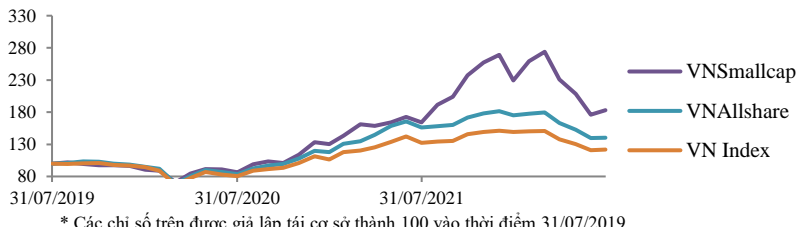
Đặc điểm chỉ số

	219
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	293,072
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	144,455
Trung bình	660
Cao nhất	4,692
Thấp nhất	19
Trung vị	379
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	3.25%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	24.38%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
 Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
 - VNSmallcap: Theo thời gian thực (5 giây/lần)
 - VNSmallcapTRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Tăng trưởng chỉ số từ 31/07/2019 đến 29/07/2022



Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNSmallcap	17.89%	22.38%	28.20%	39.35%	42.41%

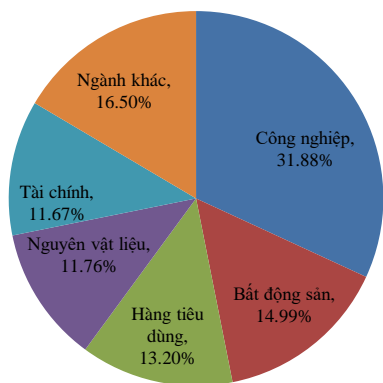
Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNSmallcap	91.04%	87.85%	80.80%	80.82%	76.86%

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2019	2020	2021	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VNSmallcap	1.72%	37.64%	97.79%	3.81%	-20.79%	-20.18%	11.36%	82.88%	59.28%	22.29%	9.76%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	FRT	Hàng tiêu dùng	4,692	3.25%
2	BCG	Công nghiệp	4,605	3.19%
3	VIX	Tài chính	4,572	3.17%
4	HDC	Bất động sản	4,021	2.78%
5	HAH	Công nghiệp	3,381	2.34%
6	VSC	Công nghiệp	3,179	2.20%
7	FTS	Tài chính	3,045	2.11%
8	TDM	Dịch vụ tiện ích	2,993	2.07%
9	GIL	Hàng tiêu dùng	2,430	1.68%
10	DBD	Chăm sóc sức khỏe	2,299	1.59%
		Tổng cộng	35,216	24.38%

Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Công nghiệp	66	46,049	31.88%
Bất động sản	24	21,660	14.99%
Hàng tiêu dùng	30	19,066	13.20%
Nguyên vật liệu	42	16,985	11.76%
Tài chính	12	16,858	11.67%

Lưu ý:

"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
 Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.



Sơ lược Quy tắc bộ chỉ số HOSE-Index

Tiêu chí sàng lọc:

1. Tư cách:

- Cổ phiếu có thời gian niêm yết trên HOSE tối thiểu 6 tháng tính đến ngày chốt dữ liệu xem xét.
- Cổ phiếu không thuộc diện bị cảnh báo do vi phạm công bố thông tin, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt, tạm ngừng giao dịch (ngoại trừ tạm ngừng giao dịch do thực hiện việc tách/gộp cổ phiếu hoặc chia tách/sáp nhập) trong vòng 03 tháng tính đến ngày chốt dữ liệu xem xét.

2. Tỷ lệ tự do chuyển nhượng (Free-float): Cổ phiếu phải có tỷ lệ free-float cao hơn 10%.

3. Thanh khoản: Cổ phiếu phải có tỷ suất quay vòng chứng khoán tối thiểu là 0.05%.

Phương pháp chọn cổ phiếu vào rổ chỉ số:

1. VNAllshare: Bao gồm tất cả các cổ phiếu đáp ứng các tiêu chí sàng lọc.

2. VN30:

- **Tư cách tham gia vào VN30:** Thuộc tập hợp top 90% Giá trị giao dịch tích lũy của rổ VNAllshare và không thuộc diện bị cảnh báo.
- 20 cổ phiếu lớn nhất theo Giá trị vốn hóa thị trường sẽ được chọn vào VN30. 10 cổ phiếu tiếp theo sẽ được chọn từ các cổ phiếu xếp hạng từ 21 đến 40 theo Giá trị vốn hóa thị trường, các cổ phiếu đã có trong rổ VN30 kỳ trước sẽ được ưu tiên chọn trước.

3. VNMidcap:

- Từ các cổ phiếu của VNAllshare không bao gồm 30 cổ phiếu của VN30, 40 cổ phiếu lớn nhất theo Giá trị vốn hóa thị trường sẽ được chọn vào rổ VNMidcap.
- 30 cổ phiếu tiếp theo sẽ được chọn từ các cổ phiếu xếp hạng từ 41 đến 80 theo Giá trị vốn hóa thị trường, các cổ phiếu đã có trong rổ VNMidcap kỳ trước sẽ được ưu tiên chọn trước.

4. VN100: Bao gồm các cổ phiếu thành phần của chỉ số VN30 và VNMidcap.

5. VNSmallcap: Bao gồm các cổ phiếu còn lại của VNAllshare sau khi loại trừ các cổ phiếu thành phần của chỉ số VN100.

Chuẩn phân ngành GICS®

GICS® (Global Industry Classification Standard) là chuẩn phân ngành dành cho thị trường chứng khoán do S&P kết hợp với MSCI xây dựng. Thông tin về chuẩn phân ngành GICS® được MSCI và S&P chịu trách nhiệm quản lý và công bố.

Các cổ phiếu niêm yết trên HOSE được MSCI và S&P trực tiếp phân ngành và thông tin phân ngành được cập nhật tại trang chủ của HOSE : www.hsx.vn.

Việc xem xét và cập nhật phân ngành cho các cổ phiếu thành phần của Bộ chỉ số ngành sẽ được thực hiện định kỳ 06 tháng/lần vào cùng ngày chốt dữ liệu xem xét định kỳ chỉ số.

